



VÀI SUY NGHĨ NHÂN ĐỌC CUỐN SÁCH "MÁY TÍN NGỜ Ở TÔN GIÁO ĐÔNG NAM Á"

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Năm 2003, Nhà xuất bản Thanh Niên đã ấn hành quyển sách *Máy tín ngưỡng tôn giáo Đông Nam Á*, của nhóm các tác giả: Tr- ơng Sĩ Hùng-Cao Xuân Phổ-Huy Thông và Phạm Thị Vinh, do Tr- ơng Sĩ Hùng chủ biên. Cuốn sách dày 499 trang, đ- ọc chia thành 6 ch- ơng, giới thiệu nhiều loại hình tôn giáo tín ng- ỡng phổ biến nh- : Công giáo, Phật giáo, Hindu giáo, Hồi giáo và tín ng- ỡng thờ Mẫu.

Qua những ch- ơng sách, các tác giả đã cho bạn đọc một bức tranh toàn cảnh về tôn giáo và tín ng- ỡng của các c- dân khu vực Đông Nam Á từ lúc sơ khởi cho đến nay. Trong mỗi ch- ơng, các tác giả đã khéo lồng những t- liệu Việt Nam trong nền cảnh văn hoá của toàn khu vực, nên đã làm cho những t- liệu này có hồn hơn và giúp bạn đọc nhận thức đ- ọc giá trị đích thực của văn hoá tín ng- ỡng Việt Nam cũng nh- những đóng góp của nền văn hoá-tín ng- ỡng này đối với khu vực.

Tôi đặc biệt quan tâm tới Ch- ơng II có nhan đề *Từ Bà la môn giáo đến Ấn Độ giáo* của Cao Xuân Phổ, bởi tính thực tiễn của nó đối với tôn giáo và dân tộc trên đất n- ớc ta. Đã có một thời những ng- ời Khơ me, ng- ời Chăm trong các nền văn minh nh- Phù Nam, Champa đã từng theo đạo này. Theo các nhà nghiên cứu Chăm thì ng- ời Chăm theo Bà la môn giáo thờ vị thần Si Va là thần chính; còn với ng- ời Khơ me theo đạo Bà la môn thì lại thờ vị

thần Vích Nu là thần chính. Dù các dân tộc này thờ Si Va hay Vích Nu thì đó vẫn là những vị thần của Bà la môn giáo. Hiện tại, ng- ời Khơ me đa phần theo Phật giáo, ng- ời Chăm có phần đáng kể theo Hồi giáo, nh- ng lại là Hồi giáo mang phong cách Bà la môn giáo, cho nên việc giới thiệu về Bà la môn giáo là điều hết sức cần thiết.

Tôi rất thích ch- ơng Công giáo ở Đông Nam Á. Khi đọc những trang này, có thể nhận thấy các tác giả viết rất chắc tay, dựa trên một nền tảng t- liệu vững chắc. Do vậy khi đọc phần công giáo Đông Nam Á, ng- ời đọc sẽ thấy đ- ọc chân t- ờng thực của các nhà truyền giáo và mối quan hệ giữa các nhà truyền giáo với chính sách thực dân của các n- ớc T- bản phương Tây. Song chúng ta cũng không thể phủ nhận sự đóng góp của các nhà truyền giáo trong việc phát huy bản sắc văn hoá của các tộc ng- ời ở khu vực này. Trong ch- ơng này, ngoài khối t- liệu chung ở Đông Nam Á, chúng ta còn thấy các tác giả nhấn mạnh tới sự phát triển của Công giáo ở Việt Nam.

Ngay ở phần đầu cuốn sách, các tác giả với nhiều t- liệu thu thập đ- ọc tại Việt Nam đã dành trọn một ch- ơng để nhìn nhận lại quá trình thờ Mẫu của ng- ời Việt, cùng mối quan hệ của Việt Nam với Đông Nam Á. Thờ Mẫu cùng các nữ thần nông nghiệp là đặc tính chung vốn có của

các dân tộc trong khu vực "văn minh lúa nước". Tại Việt Nam hình thức thờ Mẫu và nữ thần đã có từ khá lâu trước khi đạo Phật có mặt tại Việt Nam ở buổi đầu Công nguyên. Người Việt đã thần thánh hoá các hiện tượng tự nhiên thành các nữ thần, thành các mẫu, vì vậy đến khi Phật giáo vào Việt Nam, tôn giáo này kết hợp với các nữ thần để trở thành một sơn môn mới - Sơn môn Dâu. Sơn môn này tôn vị Man Nương là Phật mẫu, các bà Dâu, Đậu, Dàn, Tơ sau trở thành các vị Phật với pháp hiệu là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Bên cạnh đó, các tác giả của cuốn sách đã cho bạn đọc một cái nhìn toàn thể về Phật giáo và Hồi giáo diễn tiến trên toàn khu vực Đông Nam Á.

Nếu Phật giáo là một cái nhìn chung thông qua diễn tiến lịch sử của từng quốc gia, từng tộc người, thì chương Hồi giáo Đông Nam Á lại cho chúng ta một cái nhìn khác, cho dù cách trình bày cũng nánh dạng trình bày những bài giảng lịch sử.

Sự xuất hiện của đạo Hồi ở Đông Nam Á, sự gia nhập của loại hình tôn giáo này trong đời sống chính trị các nước Đông Nam Á đã làm cho những nhà quản lý về tôn giáo phải lưu tâm. Tuy ở nước ta, số lượng những người theo Hồi giáo không nhiều, lại chủ yếu tập trung vào một tộc người - người Chăm - nhưng với các sự kiện diễn ra trên thế giới trong những năm gần đây, chúng ta phải có suy nghĩ đúng mức về loại hình tôn giáo này.

Nhìn chung trong cuốn sách, các tác giả đã cho bạn đọc một cách nhìn khá toàn diện về tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc, các quốc gia Đông Nam Á. Và qua

đó, một lần nữa xin đề nghị nhấn mạnh rằng, các tác giả đã cho người đọc thấy được sự đóng góp lớn lao của văn hoá, tín ngưỡng Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á.

Chỉ tiếc rằng, khi viết cuốn sách này, các tác giả vẫn chưa tham khảo thêm các nhà nghiên cứu chuyên sâu về tôn giáo nên còn thiếu hai điều cơ bản:

Khi nói về Phật giáo khu vực Đông Nam Á mà chủ yếu là Phật giáo Tiểu thừa hay còn gọi Phật giáo Theravada, các tác giả lại không nói tới Phật giáo của người Khơ me Nam Bộ Việt Nam, cư dân cũng theo Phật giáo Theravada giống như các dân khác ở khu vực Đông Nam Á.

Đáng ra trong cuốn sách của mình, các tác giả nên đề cập thêm một chương nữa là Tin Lành ở Đông Nam Á. Đây cũng là một vấn đề hiện đang trở nên sôi động trên nhiều quốc gia và tộc người ở khu vực này. Ví dụ, người Hmông khi theo Tin Lành có giữ lại những yếu tố văn hoá truyền thống của mình hay không? Đạo Vàng Chử của người Hmông có phải là Tin Lành hay không? Người Dao theo Tin Lành tự gọi là Thần Hùng, vậy Thần Hùng có phải là Tin Lành? Và còn vấn đề Tin Lành Dega ở một số dân tộc sống trên Cao Nguyên miền Trung Việt Nam? Tất cả những điều này không chỉ diễn ra sôi động ở nước ta mà đã lan nhanh sang các khu vực khác ở Đông Nam Á.

Tuy nhiên, tôi vẫn cho rằng, không vì chút thiếu sót ấy mà cuốn sách này giảm đi giá trị. Cuối cùng, xin đề nghị nói lời cảm ơn nhóm tác giả đã cho người đọc một cuốn sách hay về tín ngưỡng và tôn giáo ở Đông Nam Á.